TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2017/DS-ST
Ngày: 22-9-2017
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Diệp.
2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2017/QĐXX-ST ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1959. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn D: Ông Nguyễn Hữu D là luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Hữu D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. Có mặt.
2. Bị đơn: - Ông Trầm Ái Q, sinh năm 1982. Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị Xinh Đ, sinh năm 1982. Có mặt.
Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017,bản tự khai, các biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn D và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu D trình bày:

Vào ngày 14/5/2016, ông Nguyễn Văn D có cho ông Trầm Ái Q vay số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 06 tháng, kể từ ngày 14/5/2016 đến ngày 14/11/2016. Hai bên có lập giấy mượn tiền đề ngày 14/5/2016. Đến thời hạn trả nợ nhưng ông Q không thực hiện việc trả nợ nên ông D nhiều lần yêu cầu ông Q trả nợ nhưng ông Q vẫn không trả.

Nay ông Nguyễn Văn D yêu cầu vợ chồng ông Trầm Ái Q và bà Nguyễn Thị Xinh Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 14/11/2016 đến ngày 15/5/2017, số tiền lãi là 2.400.000 *(hai triệu bốn trăm nghìn)* đồng.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trầm Ái Q trình bày:

Ông Trầm Ái Q thừa nhận ngày 14/5/2016 có vay ông Nguyễn Văn D số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng, lãi suất là 3,5%/tháng, mỗi tháng đóng tiền lãi là 1.300.000 *(một triệu ba trăm nghìn)* đồng, ông đã đóng cho ông D 05 tháng tiền lãi là 6.500.000 *(sáu triệu năm trăm nghìn)* đồng. Nay ông Nguyễn Văn D yêu cầu ông trả số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng thì ông đồng ý nhưng ông không đồng ý trả tiền lãi đối với số tiền trên và ông xin trả dần mỗi tháng là 700.000 đồng *(bảy trăm nghìn)* đồng.

Tại bản tự khai, các biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Xinh Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Xinh Đ không đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Văn D, bà hoàn toàn không biết việc vay tiền của ông Trầm Ái Q nên không đồng ý cùng trả nợ với ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn D khởi kiện bị đơn ông Trầm Ái Q và bà Nguyễn Thị Xinh Đ. Hiện nay, ông Trầm Ái Q, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Xinh Đ, sinh năm 1982; cùng cư trú tại: Khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017 và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D yêu cầu ông Trầm Ái Q và bà Nguyễn Thị Xinh Đ trả số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng, theo giấy mượn tiền ngày 14/5/2016, yêu cầu của ông D là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Vào ngày 14/5/2016, ông Nguyễn Văn D và ông Trầm Ái Q có lập giấy mượn tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng, việc lập hợp đồng vay tài sản hai bên hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn D và ông Trầm Ái Q là có thật và hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D yêu cầu ông Trầm Ái Q và bà Nguyễn Thị Xinh Đ có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng và tiền lãi là 2.400.000 *(hai triệu bốn trăm nghìn)* đồng. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Hữu D trình bày: Theo "giấy mượn tiền" đề ngày 14/5/2016 thì ông Trầm Ái Q có vay của ông Nguyễn Văn D số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi*

triệu) đồng. Tại phiên tòa, ông Trầm Ái Q thừa nhận ông có vay của ông D số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* theo như lời trình bày của ông D; hiện nay ông vẫn còn nợ D số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng và ông đồng ý trả số tiền này cho ông D.

[4.1] Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên đều thừa nhận vào ngày 14/5/2016 ông Q có vay của ông D số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng. Theo giấy mượn tiền ngày 14/5/2016 thì ông Q có vay của ông D số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng và tại phiên tòa ông Q cũng đồng ý trả số tiền này cho ông D. Do đó, có đủ cơ sở buộc ông Q phải trả cho ông D số tiền vay là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn D về tiền lãi đối với số tiền vay là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng với lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 14/11/2016 đến ngày 15/5/2017, số tiền lãi là 2.400.000 *(hai triệu bốn trăm nghìn)* đồng.

Tại phiên tòa, ông Trầm Ái Q không đồng ý trả tiền lãi đối với số tiền vay là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng và ông Q cho rằng ông đã trả lãi nhiều lần nhưng ông không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và ông D không thừa nhận ông Q có trả tiền lãi là 6.500.000 *(sáu triệu năm trăm nghìn)* đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì "Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả". Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định là 20%/năm tức là 10%/năm tương đương là 0,83%/tháng. Ông Nguyễn Văn D yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng đã vượt quá quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu. Do đó, yêu cầu tiền lãi của ông Nguyễn Văn D được tính cụ thể như sau: 40.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng = 1.992.000 *(một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn)* đồng.

[4.3] Xét trách nhiệm liên đới của bà Nguyễn Thị Xinh Đ: Theo giấy mượn tiền ngày 14/5/2016, ông Trầm Ái Q là người ký vay, không có bà Nguyễn Thị Xinh Đ ký vay. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D cho rằng việc ông Q nhằm mục đích trang trải cuộc sống gia đình và công việc làm ăn của ông Q và bà Đ. Tại phiên tòa, ông Q cũng thừa nhận khi ông D đến gặp ông và bà Đ yêu cầu trả nợ thì bà Đ cũng đồng ý nhưng xin ông D trả dần mỗi tháng là 1.500.000 *(một triệu năm trăm nghìn)* đồng nhưng ông D không đồng ý. Mặc khác, ông Q và bà Đ là vợ chồng đang tồn tại hôn nhân hợp pháp; việc giao dịch vay tài sản giữa ông D và ông Q là trong thời kỳ hôn nhân của ông Q và bà Đ. Việc ông Q vay tiền của ông D cho công việc làm ăn của ông Q nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà Đ có trách nhiệm liên đới với ông Q trả số tiền là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D về việc yêu cầu ông Trầm Ái Q và bà Nguyễn Thị Xinh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền là 41.992.000 *(bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn)* đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu)* đồng và tiền lãi là 1.992.000 *(một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn)* đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Trầm Ái Q và bà Nguyễn Thị Xinh Đ phải chịu là: 41.992.000 đồng x 5% = 2.100.000 *(hai triệu một trăm nghìn)* đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470, 288 và 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn D đối với ông Trầm Ái Q và bà Nguyễn Thị Xinh Đ.

Buộc ông Trầm Ái Q và bà Nguyễn Thị Xinh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn D số tiền là 41.992.000 *(bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn)* đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Trầm Ái Q và bà Nguyễn Thị Xinh Đ phải nộp là 2.100.000 *(hai triệu một trăm nghìn)* đồng.

- Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Văn D là 1.060.000 *(một triệu không trăm sáu mươi nghìn)* đồng theo biên lai thu 0010834 ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THAHST);
- VKSND TP. B, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. B, T. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn